

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2024/DS-ST.

Ngày: 19/9/2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

2. Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2024/TLST-DS về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Lưu Hồng P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số A, ấp N, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của ông Lưu Hồng P; Ông Lưu Hồng P2, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 367A, ấp Nhơn An, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Theo văn bản uỷ quyền ngày 07/5/2024.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Thành P3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số C, ấp D, xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Lưu Hồng P trình bày:

Do có quen biết với ông Nguyễn Thành P3 và hai bên có thỏa thuận việc cho mượn tiền như sau:

Ngày 07/01/2023, ông P có cho ông Nguyễn Thành P3 mượn số tiền là 30.000.000đồng hai bên có thỏa thuận ghi vào giấy mượn tiền thời gian cho mượn là 06 tháng kể từ ngày ký giấy mượn tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng và trả lãi hàng tháng.

Đồng thời trong giấy mượn tiền này ông Nguyễn Thành P3 ghi rõ là tự nguyện giao cho ông P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông nhằm để đảm bảo số tiền vay 30.000.000đồng nói trên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX563615 mang tên ông Nguyễn Thành P3).

Từ thời gian ông Nguyễn Thành P3 ký giấy mượn tiền cho đến ngày hôm nay ông chưa thanh toán tiền lãi lần nào và cũng không trả vốn dù đã quá hạn phải trả cho ông P.

Ông P đã nhiều lần yêu cầu ông Phước trả tiền đã mượn và tiền lãi cho tôi nhưng ông không thực hiện.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xem xét buộc ông Nguyễn Thành P3 trả cho ông P số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất tạm tính từ ngày 07/01/2023 đến ngày 07/5/2024 như sau $30.000.000 \times 2\% / \text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 9.600.000 \text{đồng}$

Tổng số tiền là 39.600.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật ông Nguyễn Thành P3 để tham gia phiên toà nhưng ông Phước vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Lưu Hồng P khởi kiện yêu cầu bà ông Nguyễn Thành P3 có nghĩa vụ trả cho ông tiền số nợ gốc là 30.000.000đồng và nợ lãi phát sinh. Căn cứ vào các biên bản niêm yết tại nơi cư trú, các giấy mượn tiền ngày 07/01/2023 thì có cơ sở xác định ông Nguyễn Thành P3 có nơi cư trú tại xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Toà án nhân dân thành phố Bến Tre căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tại phiên toà, nguyên đơn xin vắng mặt. bị đơn đã được Toà án triệu tập theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do nên Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 16/7/2024, Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt theo đúng quy định pháp luật Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 16/7/2024 cho ông Nguyễn Thành P3 nhưng đến thời

điểm kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên toà không có đương sự nào có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về phạm vi giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì Toà án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngoài ra không xem xét, giải quyết nội dung nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 149; Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015 nên Toà án không xem xét về thời hiệu khi giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Ông Lưu Hồng P căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 07/01/2023 để yêu cầu ông Phước có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền nợ gốc là 30.000.000đồng và nợ lãi phát sinh.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt bản photo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp cho ông Phước và đồng thời triệu tập ông Phước đến Toà án để có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Phước vắng mặt. Do đó, ông Phước đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại Toà án. Toà án căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp bản viết tay giấy mượn tiền ngày 07/01/2023 và không yêu cầu Toà án tiến hành giám định chữ ký, chữ viết có trong các biên nhận tiền đã giao nộp cho Toà án.

Nội dung giấy vay tiền ngày 07/01/2023 thể hiện ông Phước có vay của ông P số tiền 30.000.000đồng và thời hạn vay là 06 tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tiền không bắt buộc phải tuân thủ về hình thức nên kể từ khi các bên giao kết hợp đồng vay tiền thì hợp đồng phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Ông Phước không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nên có căn cứ để buộc ông Phước có nghĩa vụ trả nợ vay cho ông P số tiền gốc là 30.000.000đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông P, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung giấy mượn tiền ngày 07/01/2023 mà nguyên đơn cung cấp tuy có thoả thuận về thời hạn vay nhưng không thể hiện việc thoả thuận về việc tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Phước có thực hiện việc trả lãi cho ông P. Nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật Dân sự

năm 2015 xác định nghĩa vụ trả lãi của ông Phước kể từ thời điểm ký giấy mượn tiền như yêu cầu khởi kiện của ông P là phù hợp quy định pháp luật.

Về lãi suất, Hội xét xử xét thấy, các hợp đồng vay của nguyên đơn cung cấp không thể hiện lãi suất. Ông P không cung cấp được việc giữa ông P và ông Phước có thoả thuận lãi suất là 2%/tháng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi suất của hợp đồng vay là 10%/năm. Từ đó căn cứ để buộc ông Phước trả lãi cho ông P số tiền lãi cụ thể như sau:

$30.000.000\text{đồng} \times \text{lãi suất } 0,83\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 5.328.000\text{đồng}.$

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P đối với mức lãi suất 0,83%/tháng và không chấp nhận yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 2%/tháng của ông P đối với ông Phước.

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà ông Phước phải trả cho ông P là 35.328.000đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 30.000.000đồng và nợ lãi là 5.328.000đồng

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận một phần nên ông P phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền 300.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà ông Nguyễn Thành P3 phải nộp được tính như sau $35.328.000\text{đồng} \times 5\% = 1.766.400\text{đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 142, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hồng P.

2. Buộc ông Nguyễn Thành P3 có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Hồng P số tiền 35.328.000(Ba mươi lăm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn)đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 30.000.000đồng, tiền nợ lãi là 5.328.000đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hồng P về việc buộc ông Nguyễn Thành P3 có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 39.600.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Thành P3 phải nộp số tiền 1.766.400(Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm)đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch ông Lưu Hồng P phải nộp số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 990.000đồng theo biên lai thu số 0004438 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre có nghĩa vụ hoàn lại cho ông P số tiền 690.000(Sáu trăm chín mươi nghìn)đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Trần Văn Hồ Nguyễn Thị Trúc Giang

Trần Thành Ngọc

